

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Đức Trung

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ
ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ KỶ MỚI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Đức Trung

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Đức Trung

Mã sinh viên: 1412401037

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần
Thế Kỷ Mới

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới, sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

- Địa chỉ : Số 125 – Đà Nẵng – quận Ngô Quyền – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Đức Trung

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ	3
1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định	5
1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	19
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp ...	16
1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp	16
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp	17
1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	22
1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	29
1.2.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.....	29
1.2.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định.....	30
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI.....	34
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.	34
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển	34
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.	35
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.	36
2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.	37
2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới. ...	41
2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty.....	41
2.2.2 Kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.....	42

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI	
.....	77
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty.....	77
3.1.1 Ưu điểm.....	77
* Về công tác kế toán nói chung.....	77
3.1.2 Hạn chế.....	79
3.2. Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới..	80
3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.....	80
3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.....	81
KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ B

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới	36
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.	38
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.	40

DANH MỤC BIỂU

Biểu số 2.1: Đơn đề nghị thanh lý TSCĐ	44
Biểu số 2.2: Biên bản đánh giá lại TSCĐ	45
Biểu số 2.3: Biên bản thanh lý TSCĐ.....	46
Biểu số 2.4. Thẻ tài sản cố định.....	47
Biểu số 2.5: Sổ chi tiết TSCĐ	48
Biểu số 2.6: Đơn đề xuất mua TSC	51
Biểu số 2.7: Hợp đồng kinh tế mua TSCĐ	52
Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT	55
Biểu 2.9: Biên bản bàn giao TSCĐ	56
Biểu số 2.10: Thẻ TSCĐ	57
Biểu số 2.11: Giấy báo nợ của ngân hàng	58
Biểu số 2.12: Ủy nhiệm chi	59
Biểu số 2.13: Hóa đơn giá trị gia tăng	61
Biểu số 2.14: Phiếu thu tiền.....	62
Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung	63
Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 211	64
Biểu số 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	67
Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung	68
Biểu số 2.19: Trích sổ Cái TK 214.....	69
Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên.....	72
Biểu số 2.21: Hóa đơn GTGT	73
Biểu số 2.22: Phiếu chi tiền.....	74
Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung	75
Biểu số 2.24: Trích sổ Cái TK 642.....	76

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước ta trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, thời kỳ đòi hỏi chúng ta phải mang hết tinh thần, khả năng, trí tuệ cùng tài năng sẵn có để cống hiến cho sự nghiệp đổi mới để xây dựng đất nước.

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành sản xuất, kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình TSCĐ hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp, cũng như các nhà quản lý kinh tế.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới, xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và cơ sở lý luận của công tác kế toán tài sản cố định, cùng với những kiến thức đã được các thầy, cô giáo trang bị cho em trong khoá học đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo Ths.Nguyễn Văn Thụ và các cô chú Phòng kế toán Công ty đã giúp em thấy rõ được vai trò của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từ đó em đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới”***

Nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Trong lịch sử phát triển nhân loại, các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung vào giải quyết các vấn đề về cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa quá trình sản xuất, đổi mới, hoàn thiện TSCĐ. Nhìn từ góc độ vĩ mô ta thấy: yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đến nền kinh tế thị trường là uy tín chất lượng sản phẩm của mình đưa ra thị trường nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài còn thực chất bên trong là các máy móc, thiết bị công nghệ chế biến có đáp ứng được yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp hay không? TSCĐ là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Nó thể hiện một cách chính xác nhất năng lực và trình độ cơ sở vật chất của mỗi doanh nghiệp. TSCĐ được đổi mới và sử dụng có hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ

1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ

Để doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố như: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tư liệu lao động phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, chúng không những khác nhau về giá trị, giá trị sử dụng mà còn khác nhau về thời gian hoạt động. Để thuận lợi cho việc quản lý, bảo tồn và phát triển đối với tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị...được xếp thành một nhóm riêng gọi là tài sản cố định (TSCĐ).

TSCĐ trong các doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá

trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ là các tư liệu lao động chủ yếu như nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... có hình thái cụ thể, đa dạng về kiểu dáng, phong phú về chủng loại, người ta có thể định dạng mô tả chúng, và còn có các tài sản không có hình thái hiện vật nhưng cũng tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD như quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính,... Tuy nhiên không phải mọi tư liệu lao động đều là TSCĐ mà chỉ có những tài sản thoả mãn các điều kiện của chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính kế toán của nhà nước quy định phù hợp trong từng thời kỳ. Tài sản cố định có những đặc điểm như sau:

-TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

-Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

-Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật. Giá trị của TSCĐ vô hình cũng được dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC về “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”:

+ Tiêu chuẩn đối với TSCĐ hữu hình: Những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Có giá trị theo quy định hiện hành (từ 30.000.000đồng trở lên).

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, nếu từng con súc vật thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định đều được coi là một tài sản cố định hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm, nếu từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì cũng được coi là một tài sản cố định hữu hình.

+ Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình: Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp chi ra thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn về TSCĐ, mà không hình thành TSCĐ hữu hình thì được gọi là TSCĐ vô hình.

1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định

1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau...nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của TSCĐ và phục vụ tốt cho công tác thống kê TSCĐ.

- TSCĐ có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... Mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể.

- **Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện**

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: TSCĐ mang hình thái vật chất (hay TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất (hay TSCĐ vô hình).

❖ **TSCĐ hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- *Nhà cửa, vật kiến trúc:* Là TSCĐ được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi, cầu cống... phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- *Máy móc, thiết bị:* Là toàn bộ máy móc, thiết bị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác...

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:* là những phương tiện vận tải như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác như ô tô, máy kéo, xe tải...

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý:* gồm các thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà.

- *Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm:* gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su,...), súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và các súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

- *Tài sản cố định hữu hình khác:* Bao gồm những TSCĐ mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kĩ thuật...)

TSCĐ vô hình: Là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về TSCĐ vô hình gồm có:

- *Quyền sử dụng đất:* Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật.

Giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- *Chương trình phần mềm*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *TSCĐ vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ, sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của TSCĐ.

• ***Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành***

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân loại thành:

TSCĐ được phân chia thành 2 loại cơ bản là TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

* ***TSCĐ tự có***: Là những TSCĐ xây dựng, mua sắm, hoặc chế toạ bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

*** TSCĐ đi thuê :**

TSCĐ đi thuê gồm 2 loại sau:

- *TSCĐ thuê hoạt động*: là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.

- *TSCĐ thuê tài chính*: Là những TSCĐ doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nêu shợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau:

+ Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thoả thuận.

+ Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.

+ Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.

+ Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm lí hợp đồng.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

Qua cách phân loại này, ta biết được TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm.

• Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế

Đây là hình thức phân loại rất hữu ích và tiện lợi cho việc phân bổ khấu hao TSCĐ vào tài khoản chi phí phù hợp. Theo tiêu thức này, TSCĐ được phân chia thành 4 loại cơ bản sau:

- *TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh*: Là những TSCĐ đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những TSCĐ này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- *TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng*: Là những TSCĐ do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

- *TSCĐ chờ xử lý*: Bao gồm các TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết, những TSCĐ này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

- *TSCĐ bảo quản hộ, cất giữ hộ Nhà nước*: Bao gồm những TSCĐ doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

1.1.3.2 *Đánh giá giá trị tài sản cố định*

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. Tài sản cố định được đánh giá theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

a) *Nguyên giá*:

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, nghĩa là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ *Với tài sản cố định hữu hình*:

- Nguyên giá TSCĐ do mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm gồm: Giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng

(+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp gồm: Giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán. Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của TSCĐ.

Ngoài ra, mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ vô hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

- TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- TSCĐ hữu hình tự sản xuất: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế sản xuất TSCĐ và các chi phí phát sinh có liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán thì nguyên giá TSCĐ ghi theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình.

- TSCĐ do bộ phận xây dựng cơ bản bàn giao:

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

- Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành tính đến thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

- TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến: Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

- TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp: Nguyên giá là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí, hoặc Doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận, hoặc do tổ chức chuyên định giá và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp nhận.

- TSCĐ được cho, tặng, thưởng, biếu, tài trợ, do phát hiện thừa: Nguyên giá là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp và các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

❖ Tài sản cố định vô hình:

- TSCĐ vô hình do mua sắm: Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp mua nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình; còn nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc thì ghi nhận là TSCĐ hữu hình.

- Trường hợp tài sản cố định vô hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, trả góp: Nguyên giá của TSCĐ vô hình được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm). Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ vô hình (được vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

- TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

- TSCĐ vô hình được cấp, biếu, tặng, hoặc điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biểu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình đến khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:

Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn. Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình. Cụ thể:

+Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

- TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ: Nguyên giá là toàn

bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- TSCĐ vô hình là nhãn hiệu hàng hóa: Nguyên giá là các chi phí thực tế trực tiếp liên quan tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- TSCĐ là các chương trình phần mềm: Nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

❖ Với TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

b) Giá trị hao mòn:

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

c) Giá trị còn lại:

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí SXKD trong kỳ, do đó giá trị của TSCĐ sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của TSCĐ để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất thực của TSCĐ trong doanh nghiệp.

Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ – Hao mòn lũy kế

Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{TSCĐ trước} \\ \text{khi đánh giá} \\ \text{lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ sau khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ trước khi} \\ \text{đánh giá lại} \end{array}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp

Những nguyên tắc quản lý TSCĐ trong danh nghiệp theo Điều 5 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính:

+ Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng. Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

+ Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại trên sổ} \\ \text{kế toán của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

+ Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 200.

+ Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào HĐKD như những TSCĐ thông thường.

1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

Tài sản cố định là bộ phận chủ yếu của cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ vốn sản xuất kinh doanh. Do đó, việc

trang bị, sử dụng TSCĐ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán TSCĐ giúp doanh nghiệp có thể nắm chắc tình hình tăng giảm TSCĐ về số lượng, giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn TSCĐ. Từ đó đưa ra phương thức quản lý và sử dụng hợp lý công suất của TSCĐ, góp phần phát triển sản xuất, thu hồi nhanh vốn đầu tư để tái sản xuất và tạo ra sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Với vai trò to lớn đó, kế toán TSCĐ phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đôn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các TSCĐ.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện cho từng TSCĐ, từng nhóm TSCĐ theo nơi sử dụng TSCĐ. Yêu cầu quản lý TSCĐ của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết TSCĐ. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu TSCĐ, tình hình phân bổ tài sản cố định theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phân bổ

chính xác TSCĐ, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng TSCĐ. Nội dung chính của kế toán chi tiết TSCĐ bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến TSCĐ trong doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ,...

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện ở thẻ TSCĐ (Mẫu số S23-DN). Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại TSCĐ và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ gồm: bộ hồ sơ TSCĐ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ,...

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng – Sổ TSCĐ trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm TSCĐ theo trình tự thời gian phát sinh ngược. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác:
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
 - + Các hợp đồng, hóa đơn mua- bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư TSCĐ (nếu có)...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

a) Tài khoản 211: “TSCĐ hữu hình”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá,

• *Kết cấu của TK 211*

Bên Nợ:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, được biếu tặng,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên có:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý,...
- Nguyên giá TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;
- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

• *TK 211 chi tiết thành 6 tiểu khoản:*

- *Tài khoản 2111 - Nhà cửa, vật kiến trúc:* Phản ánh giá trị các công trình XDCB như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...

- *Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị:* Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ.

- *Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn:* Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, sắt, thủy, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn.

- *Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý:* Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính.

- *Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ là các loại cây lâu năm, súc vật làm việc, súc vật nuôi để lấy sản phẩm.

- *Tài khoản 2118 - TSCĐ khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các tài khoản nêu trên.

b) Tài khoản 212: “TSCĐ thuê tài chính”

Tài khoản dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

Tài khoản 212 được mở chi tiết để theo dõi từng loại, từng TSCĐ thuê.

* *Kết cấu của TK 212*:

Bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

Bên Có: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do điều chuyển trả lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có.

c) Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”

Bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên Có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

* *TK chi tiết thành 7 tiểu khoản sau*:

- *Tài khoản 2131 - Quyền sử dụng đất*: Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Tài khoản 2132 - Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Tài khoản 2133 - Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Tài khoản 2134 - Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

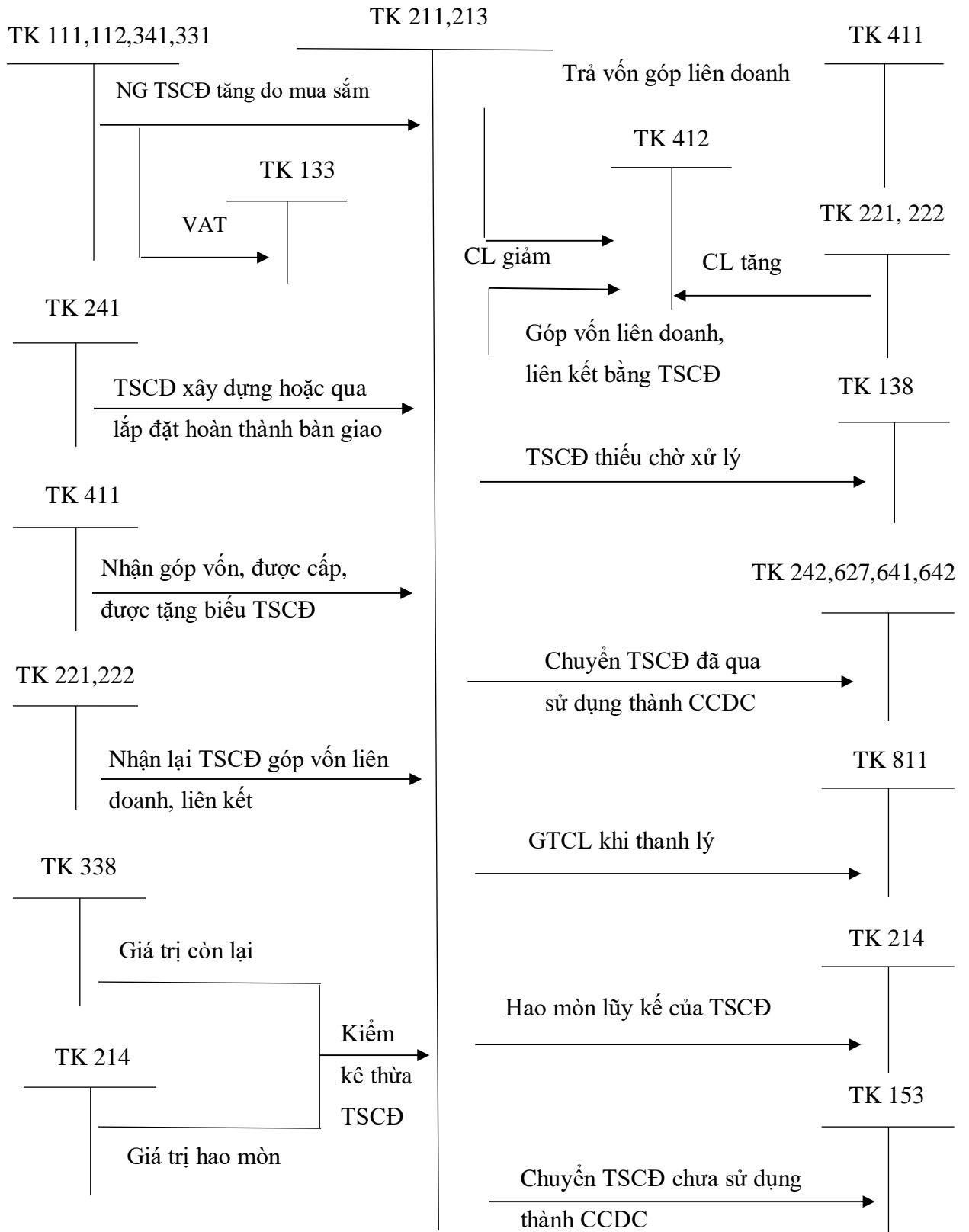
- *Tài khoản 2135 - Chương trình phần mềm*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Tài khoản 2136 - Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *Tài khoản 2138 - TSCĐ vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định

Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình được khái quát qua sơ đồ sau:



1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định

1.2.3.1 Nguyên tắc khấu hao TSCĐ

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản đầu tư (BĐSDT) trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BĐSĐT.

- Về nguyên tắc, mọi TSCĐ, BĐSĐT dùng để cho thuê của doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất, kinh doanh (gồm cả tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Khấu hao TSCĐ dùng trong sản xuất, kinh doanh và khấu hao BĐSĐT hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ; khấu hao TSCĐ chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý hạch toán vào chi phí khác. Các trường hợp đặc biệt không phải trích khấu hao (như TSCĐ dự trữ, TSCĐ dùng chung cho xã hội...), doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án hoặc dùng vào mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh mà chỉ tính hao mòn TSCĐ và hạch toán giảm nguồn hình thành TSCĐ đó.

- Căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để lựa chọn 1 trong các phương pháp tính, trích khấu hao theo quy định của pháp luật phù hợp cho từng TSCĐ, BĐSĐT nhằm kích thích sự phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp.

- Phương pháp khấu hao được áp dụng cho từng TSCĐ, BĐSĐT phải được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ và BĐSĐT.

- Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ phải được xem xét lại ít nhất là vào cuối mỗi năm tài chính. Nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các ước tính trước đó thì thời gian khấu hao phải được thay đổi tương ứng. Phương pháp khấu hao TSCĐ được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức ước tính thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ. Trường

hợp này, phải điều chỉnh chi phí khấu hao cho năm hiện hành và các năm tiếp theo, và được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

- Đối với các TSCĐ đã khấu hao hết (đã thu hồi đủ vốn), nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không được tiếp tục trích khấu hao. Các TSCĐ chưa tính đủ khấu hao (chưa thu hồi đủ vốn) mà đã hư hỏng, cần thanh lý, thì phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường và phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, không được bồi thường phải được bù đắp bằng số thu do thanh lý của chính TSCĐ đó, số tiền bồi thường do lãnh đạo doanh nghiệp quyết định. Nếu số thu thanh lý và số thu bồi thường không đủ bù đắp phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, hoặc giá trị TSCĐ bị mất thì chênh lệch còn lại được coi là lỗ về thanh lý TSCĐ và kế toán vào chi phí khác. Riêng doanh nghiệp Nhà nước được xử lý theo chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước.

- Đối với TSCĐ vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi TSCĐ được đưa vào sử dụng (theo hợp đồng, cam kết hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền). Riêng đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất xác định được thời hạn sử dụng. Nếu không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

- Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

- Đối với BĐSĐT cho thuê hoạt động phải trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Doanh nghiệp có thể dựa vào các BĐS chủ sở hữu sử dụng (TSCĐ) cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao BĐSĐT. Trường hợp BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá, doanh nghiệp không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

1.2.3.2 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định

❖ Đối với TSCĐ hữu hình:

- Đối với TSCĐ còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng TSCĐ được quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC* để xác định thời gian sử dụng của TSCĐ.

- Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của TSCĐ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{trích khấu hao} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc tương đương trên thị trường)}} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian trích khấu} \\ \text{hao của TSCĐ mới} \\ \text{cùng loại xác định} \\ \text{theo Thông tư 45} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ *Đối với TSCĐ vô hình:*

Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng TSCĐ vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

Đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.

Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định.

1.2.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

a. *Phương pháp khấu hao đường thẳng*

Là phương pháp khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{}}$$

bình năm của TSCĐ

Năm sử dụng

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

- Trường hợp nguyên giá hoặc thời gian sử dụng của TSCĐ thay đổi thì doanh nghiệp phải tính lại mức khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách: lấy giá trị còn lại trên sổ sách kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

- Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T: Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T₁ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*.

T₂ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*.

t₁: Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, thời gian hoàn vốn nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng); là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Nội dung của phương pháp:

- Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Xác định mức khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao như sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Lưu ý: Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

TSCĐ tham gia vào hoạt động SXKD được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp:

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất trong} \\ \text{tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm TSCĐ} = \frac{\text{Sản lượng sản phẩm sản xuất năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân 1 đơn vị sản phẩm}} \times$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BDS đầu tư.

* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:*

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

Số dư bên nợ: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có ở doanh nghiệp.

* *TK 214 chi tiết thành 4 tiểu khoản:*

- *Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ hữu hình.

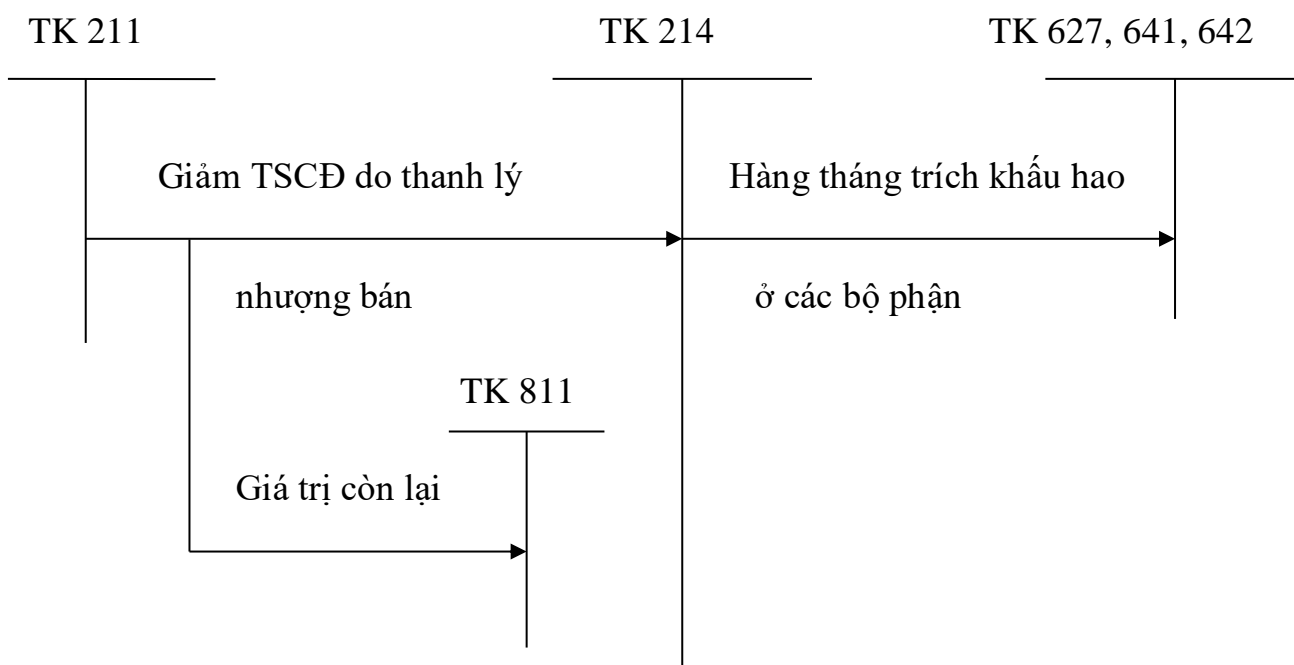
- *Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ thuê tài chính.

- *Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ vô hình và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ vô hình.

- Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐSĐT: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động của doanh nghiệp.

1.2.3.5. Phương pháp hạch toán

Kế toán khấu hao TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà DN bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.

1.2.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa nhỏ.

- Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh thường được tính thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ (nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phúc lợi thì hạch toán thẳng vào TK 353).

* **Chứng từ sử dụng:** Hóa đơn GTGT sửa chữa, biên lai thu phí và các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,...

* **Tài khoản sử dụng:** Các tài khoản chi phí: TK 627, 641, 642,... và các TK liên quan: TK 133, 111, 112, 331,...

* **Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài khoản đó:

Nợ TK 627, 641, 642,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331,...

1.2.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

* **Chứng từ sử dụng:** Các chứng từ kế toán để phản ánh việc sửa chữa lớn hoàn thành là Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

* **Tài khoản sử dụng:** TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111, 112,...

* **Phương pháp hạch toán:** Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- **Theo phương thức tự làm:** Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 152,...

- + Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)

Có TK 111,112,... (tổng giá thanh toán)

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 627,641,642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

•*Theo phương thức giao thầu:*

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

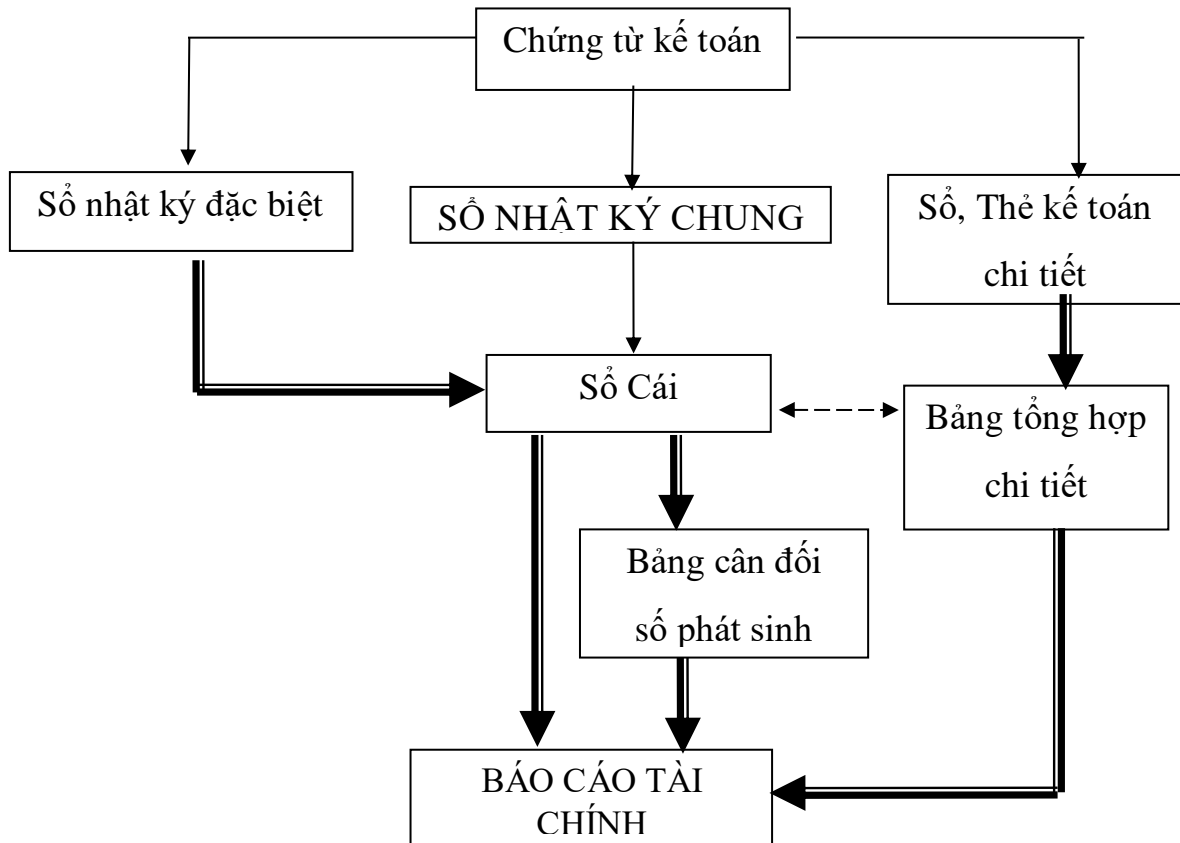
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể tự thiết kế các chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nếu doanh nghiệp không tự thiết kế được thì có thể vận dụng hệ thống sổ sách theo 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

Tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Do đó, phần lý luận xin được trình bày cụ thể về đặc trưng cơ bản và trình tự ghi sổ của hình thức kế toán Nhật ký chung.

* *Sơ đồ hạch toán:*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Đối chiếu ↔

* *Trình tự ghi sổ:*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh (NVPS) vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái (SC) theo các TK. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì ghi đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các NVPS được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi NVPS vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng NVPS, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các TK phù hợp trên Sổ cái.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI.
- Địa chỉ: Số 11 – Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc : 0225 3856 361
- Số Fax : 0225 3856 361
- Vốn điều lệ : 15.000.000.000 (mười lăm tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Trần Trung Thành.
- Mã số thuế : 0200567935
- Lĩnh vực kinh doanh : Vận chuyển hàng hóa bằng xe Container và các dịch vụ đi kèm.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0200767349.

Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2006 với tên gọi là Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới. Công ty có 16 thành viên. Ngày 30/10/2007 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty cổ phần. Cho đến nay, Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới đã và đang phục vụ và cung cấp dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và người nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

Mục tiêu của công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về vận tải hàng hóa bằng container, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa. Qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, công ty đã dần tạo được chỗ đứng trên thị trường.

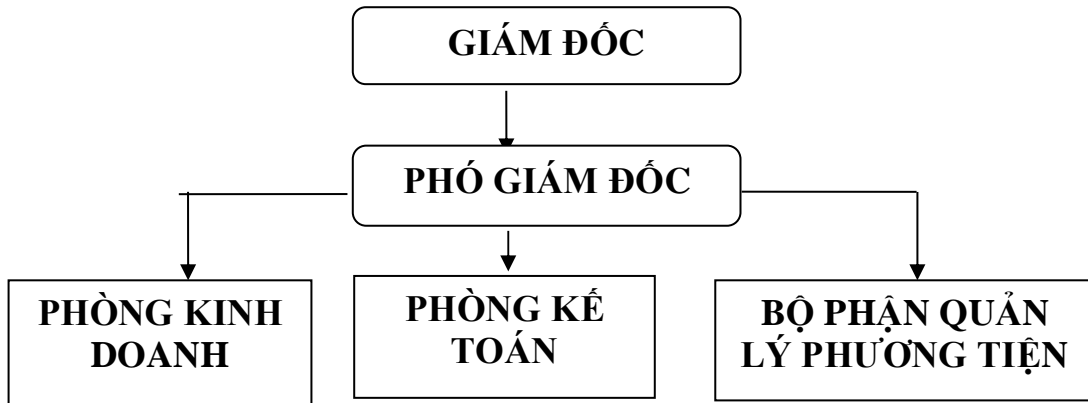
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

Những dịch vụ mà công ty thường tiến hành là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<u>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</u>	4931
2	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ	29300
3	<u>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</u>	5210
4	<u>Vận tải hành khách đường bộ khác</u>	4932
5	<u>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</u>	4661
6	<u>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</u>	4530
7	<u>Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác</u>	45200
8	<u>Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)</u>	45120
9	<u>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</u>	4511
10	<u>Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp</u>	28210
11	<u>Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc</u>	29200
12	<u>Sản xuất xe có động cơ</u>	29100
13	<u>Sản xuất máy chuyên dụng khác</u>	2829
14	<u>Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da</u>	28260
15	<u>Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá</u>	28250
16	<u>Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng</u>	28240
17	<u>Sản xuất máy luyện kim</u>	28230
18	<u>Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại</u>	2822

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:

✓ Giám đốc: Chịu trách nhiệm, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

✓ Phó Giám đốc: Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

✓ Phòng kinh doanh: Tham mưu giúp việc cho ban giám đốc quản lý và chỉ đạo công tác kinh doanh - tiếp thị đối với tất cả các loại hình hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ công ty. Nghiên cứu cung cấp thông tin về nhu cầu và hành vi tiêu dùng của khách hàng, thông tin về tình hình cạnh tranh cho các cấp điều hành công ty. Tham gia hoạch định chiến lược, sách lược chương trình tiếp thị, bán hàng của công ty. Đảm bảo ổn định và ngày càng nâng cao doanh thu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tổ chức thường xuyên các hoạt động nghiên cứu thị trường. Hoạch định điều hành các chiến lược quảng cáo tiếp thị. Xây dựng chính sách khách hàng và phối hợp cung cấp các dịch vụ khách hàng, phối hợp cùng phòng ban khác đưa ra các giải pháp phân phối, giá

cả đối với các sản phẩm dịch vụ của công ty để đạt mục tiêu kinh doanh đề ra. Tham mưu đề xuất với giám đốc khai thác các loại hình dịch vụ mới.

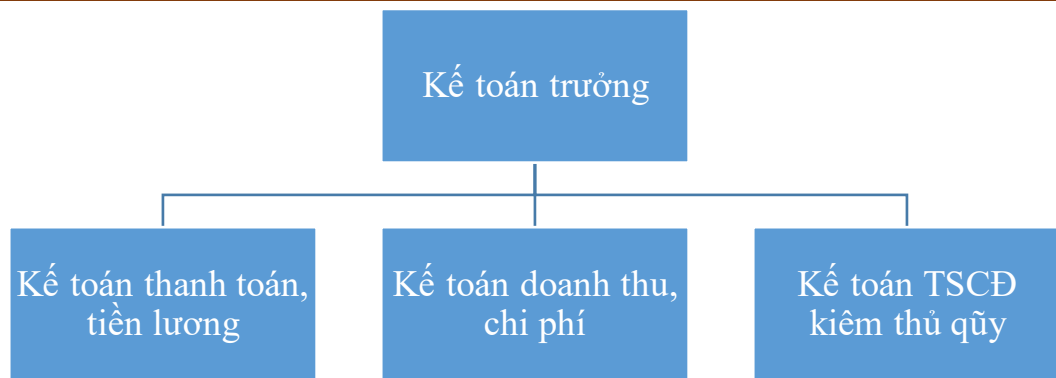
✓ Phòng kế toán: Tham mưu giúp việc cho giám đốc về việc thực hiện công tác tài chính - kế toán công ty. Thực hiện pháp lệnh kế toán - thống kê, các quy định điều lệ quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh và các quy định hiện hành khác. Thực hiện quá trình quản lý tài chính tại công ty, đảm bảo theo dõi đầy đủ về mọi quá trình sử dụng nguồn vốn và tài sản của công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn của công ty, có tính chất chiến lược, các biện pháp bảo toàn vốn. Tham mưu cho giám đốc duyệt các khoản thu- chi đúng nguồn quy định. Đề xuất các biện pháp phù hợp để giải quyết các khoản công nợ đặc biệt là các khoản nợ khó đòi, thiếu hụt mát mát hư hỏng tài sản cũng như giải quyết các hình thức tiêu cực vi phạm nguyên tắc tài chính của công ty.

✓ Bộ phận quản lý phương tiện: Tổ chức nghiên cứu, áp dụng kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình vận chuyển hàng hóa. Theo dõi tình hình vận chuyển bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đề ra. Nghiên cứu cải tiến đổi mới thiết bị nhằm nâng cao chất lượng vận chuyển để vận tải kịp thời, đạt hiệu quả cao. Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng, tìm ra những nguyên nhân không đạt để đưa ra biện pháp khắc phục. Chịu trách nhiệm quản lý, vận chuyển sản phẩm cho khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.

- Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên

+ **Kế toán trưởng:**

- Là người chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện hướng dẫn công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng nhiệm vụ chỉ đạo chung đối với mọi hoạt động của bộ máy kế toán trong công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập bảng biểu về tình hình kinh doanh kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên tham mưu giúp cho ban giám đốc thấy rõ mọi hoạt động kinh doanh kinh doanh của đơn vị mình. Từ đó đề ra biện pháp xử lý.

+ **Kế toán doanh thu, chi phí:**

Theo dõi doanh thu của hoạt động vận tải và các dịch vụ đi kèm, xác định giá vốn hoạt động vận tải và xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ.

+ **Kế toán thanh toán, tiền lương:**

Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời tính và thanh toán số lương phải trả cho từng người lao động theo quy định.

+ **Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ:**

Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ. Tiến hành trích và phân bổ khấu hao cho các đối tượng chịu chi phí.

Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ cho lãnh đạo doanh nghiệp.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- *Niên độ kế toán* bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- *Đơn vị tiền tệ* sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- *Phương pháp khấu hao*: Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- *Phương pháp tính thuế GTGT*: theo phương pháp khấu trừ.
- *Phương pháp tính giá xuất kho*: Theo phương pháp thực tế đích danh.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

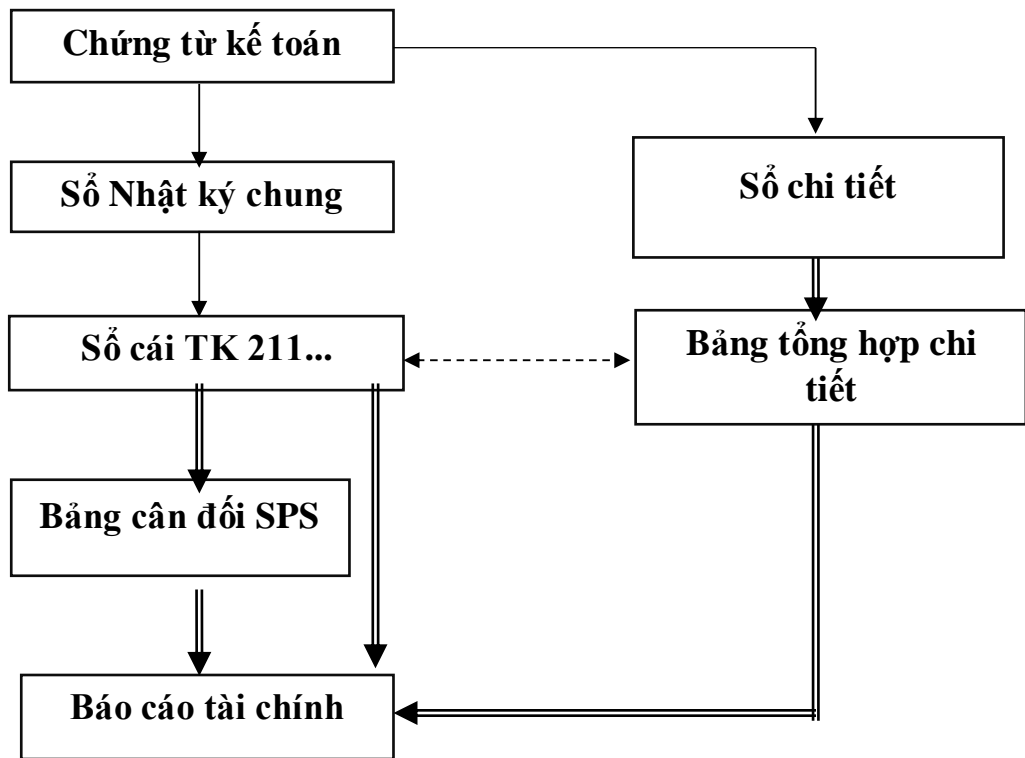
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán: “Nhật ký chung”.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 211, 214, 511, 515, 111, 112, 131, 331, 632, 911.....

❖ **Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09 – DN
- Bảng cân đối số phát sinh.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.

2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty

❖ Phân loại TSCĐ tại công ty:

Tài sản cố định của công ty gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Để có thể quản lý tốt TSCĐ đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

TSCĐ tại công ty chia thành 3 loại như:

- Nhà cửa vật kiến trúc gồm: Nhà văn phòng công ty
- Phương tiện vận tải gồm: xe tải, xe con....
- Thiết bị, dụng cụ quản lý bao gồm: máy photo, máy tính...

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới cũng như các doanh nghiệp khác cần phải đầu tư thêm phương tiện vận tải, thiết bị mới và thanh lý, nhượng bán bớt những TSCĐ đã không còn hiệu quả.

❖ Đánh giá giá trị của TSCĐ:

- Nguyên giá:

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm. Đối với những tài sản mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các

khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt,...

- *Giá trị hao mòn:*

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

- *Giá trị còn lại:*

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

2.2.2 Kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

2.2.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Sổ sách sử dụng:*

Sổ theo dõi TSCĐ, thẻ tài sản....

❖ *Quy trình mua, bán TSCĐ*

- Căn cứ vào kế hoạch, phòng kinh doanh lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua hoặc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua hoặc thanh lý TSCĐ.

- Sau khi tìm được đối tác các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua bán TSCĐ.

- Biên bản giao nhận TSCĐ sẽ được lập sau khi TSCĐ được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.

- Đồng thời bên bán viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán.

- Căn cứ vào bộ chứng từ kế toán tiến hành ghi vào thẻ TSCĐ và sổ chi tiết TSCĐ. Từ sổ thẻ chi tiết TSCĐ cuối kỳ kế toán ghi vào “Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ”.

- Ngoài ra, đối với việc thanh lý TSCĐ sau khi lập tờ trình, công ty sẽ tiến hành lập Biên bản giám định Biên bản đánh giá lại TSCĐ. Căn cứ vào quyết định của Giám đốc mới lập Biên bản thống nhất giá khởi điểm để đấu giá. Và sau đó, có Biên bản làm việc để quyết định bán cho người đấu giá cao nhất trước khi lập Biên bản giao nhận TSCĐ và viết hóa đơn.

Ví dụ minh họa : Ngày 27/07/2017, theo đề nghị của phòng kinh doanh, ô tô Grand i10 BK 15A 101.44 của công ty đã cũ cần bán thanh lý. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên.

Nguyên giá: 324.680.000 đồng, hao mòn lũy kế: 324.680.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 37.500.000 đồng, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền mặt.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “thẻ TSCĐ” và “*sổ chi tiết TK 211*”

Biểu số 2.1: Đơn đề nghị thanh lý TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỸ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – tự do – hạnh phúc
 -----o0o-----

Hải Phòng, ngày 23 tháng 07 năm 2017

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Kỹ Mới

Phòng kinh doanh được Giám đốc giao nhiệm vụ quản lý phương tiện vận tải của công ty. Trong quá trình sử dụng dù được đã được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy trình quy phạm nhưng do phương tiện đã sử dụng qua nhiều năm, đã khấu hao hết nên đã cũ, sử dụng không hiệu quả.

Theo công tác kiểm kê được kết hợp giữa phòng Tài chính - Kế toán, bộ phận Phòng kinh doanh công ty đã lập danh sách phương tiện cũ kỹ, lạc hậu, giá trị hao mòn đã gần hết báo cáo lên Giám đốc. Kính đề nghị Giám đốc xét duyệt thanh lý phương tiện này.

STT	Tên, quy cách TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	GT thu hồi ước tính
1	Ô tô Grand i10 BK 15A 101.44	324.680.000	324.680.000	0	37.500.000
	Tổng	324.680.000	324.680.000	0	37.500.000

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KINH DOANH

Biểu số 2.2: Biên bản đánh giá lại TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2017

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI SCD

Căn cứ vào quy định của công ty về thanh lý TSCĐ

Hôm nay, ngày 25/07/2017, tại văn phòng Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới, tổ chức đánh giá lại TSCĐ.

Hội đồng đánh giá lại TSCĐ gồm có:

1. Ông: Nguyễn Bá Dương - Giám đốc công ty - Chủ tịch hội đồng
2. Ông: Bùi Quang Hùng - Phó Giám đốc công ty - P.Chủ tịch hội đồng
3. Ông: Lê Quốc Vương - Kế toán Trưởng - Ủy viên
4. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

Dựa vào tình trạng của TSCĐ trong danh sách thanh lý theo Quyết định số 89/2017/QĐ-GĐ ngày 25 tháng 07 năm 2017 của Giám đốc công ty. Hội đồng đã xem xét phân tích và định giá các tài sản này như sau:

STT	Tên, quy cách TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn	Giá trị còn lại	GT đánh Giá lại
	Ô tô Grand i10 BK 15A 101.44	324.680.000	324.680.000	0	37.500.000
	Tổng	324.680.000	324.680.000	0	37.500.000

UỶ VIÊN

(ký, họ tên, chức vụ)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Biên bản thanh lý TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 27 ngày 07 năm 2017

Số: 10

Căn cứ Đơn đề nghị xin thanh lý ngày 23/07/2017 của Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới đã được Giám đốc phê duyệt.

I. Ban thanh lý TSCĐ bao gồm:

1. Ông: Nguyễn Bá Dương - Giám đốc công ty - Đại diện Trưởng Ban HĐTL
2. Ông: Lê Quốc Vương- Kế toán Trưởng - Ủy viên
3. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

Loại tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại
Ô tô Grand i10 BK 15A 101.44	01	2009	324.680.000	0

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

-TSCĐ theo giá thị trường là 37.500.000đ, chấp nhận bán thanh lý với giá 37.500.000đ (chưa thuế GTGT 10%).

IV. Kết quả thanh lý

- Giá trị thu hồi: 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).
- Đã ghi giảm số TSCĐ.

Ngày 27 tháng 07 năm 2017

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN THANH LÝ

Biểu số 2.4. Thẻ tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Đ/C: 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 01 tháng 07 năm 2009

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 65 ngày 01 tháng 07 năm 2009.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44.

Nước sản xuất: Ấn Độ

Năm sản xuất: 2008

Bộ phận quản lý sử dụng: Văn phòng công ty

Năm sử dụng: 2009

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ	
Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
01/07/2009	Ô tô Grand i10 BK 15A 101.44	324.680.000		
31/12/2009	Phân bổ KH TSCĐ		20.292.498	20.292.498
31/12/2010	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	60.877.498
31/12/2011	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	101.462.498
31/12/2012	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	142.047.498
31/12/2013	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	182.632.498
31/12/2014	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	223.217.498
31/12/2015	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	263.802.498
31/12/2016	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	304.387.498
27/07/2017	Phân bổ KH TSCĐ		20.292.502	324.680.000

Ghi giảm TSCĐ theo Biên bản thanh lý TSCĐ số 10 ngày 27/07/2017.

Lý do giảm: Bán thanh lý TSCĐ.

Ngày 27 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết TSCĐ

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 211- Tài sản cố định hữu hình
 Đối tượng: Thiết bị dụng cụ quản lý

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				3.552.884.305	
HĐ971	01/03	Mua máy photocopy	112	30.540.000		3.583.424.305	
BBTL10	27/7	Thanh lý xe oto 4 chỗ Grand i10 BK 15A 101.44	214		324.680.000	3.258.744.305	
		Số phát sinh		30.540.000	324.680.000		
		Số dư cuối năm				3.258.744.305	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.2.2 Kế toán tổng hợp tại Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới

❖ Chứng từ sử dụng

Tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới sử dụng các chứng từ sau:

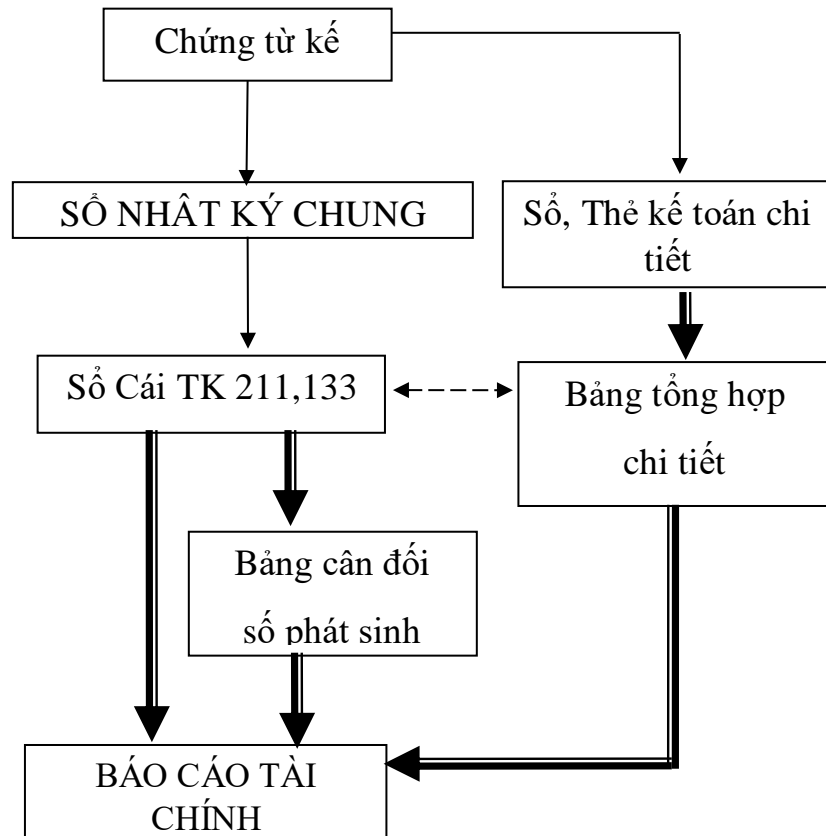
- + Hợp đồng mua bán TSCĐ
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Biên bản giao nhận TSCĐ
- + Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

- + TK 211: TSCĐ hữu hình
 - TK 2111: Nhà của vật kiến trúc
 - TK 2114: Phương tiện vận tải
 - TK 2115: thiết bị, dụng cụ quản lý
- + TK 214: Hao mòn TSCĐ
- + TK khác có liên quan: TK 111,112,331,...

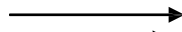
❖ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán tăng, giảm TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 01/03/2017, Công ty mua 01 chiếc máy photocopy Sharp AR- 6031N dùng ở bộ phận Văn phòng công ty, với giá mua chưa thuế là 30.540.000 đồng, thuế GTGT 10%, thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Sau khi “*Hợp đồng mua bán máy photocopy*” được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại CPN Việt Nam đã tiến hành bàn giao TSCĐ thông qua “*Biên bản bàn giao TSCĐ*” vào ngày 01/03/2017 kèm theo “*Hóa đơn GTGT*” ngày 01/03/2017.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “*Nhật ký chung*”. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào “*Sổ Cái TK 211*”, sổ cái tài khoản 133 và 112

Biểu số 2.6: Đơn đề xuất mua TSC

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ XUẤT

(V/v trang bị 1 máy photocopy mới cho văn phòng công ty)

Kính gửi : - Ông Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

Hiện nay, Văn phòng công ty đang có nhu cầu sử dụng máy photocopy để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên văn phòng làm việc. Để đáp ứng được nhu cầu của cán bộ, nhân viên văn phòng công ty, tôi làm đơn này kính mong Giám đốc xem xét trang bị máy photocopy mới cho bộ phận văn phòng công ty.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Ngày 27 tháng 02 năm 2017

NGƯỜI ĐỀ XUẤT

Biểu số 2.7: Hợp đồng kinh tế mua TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI
Số 333/HĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Căn cứ Pháp lệnh Số 24/1989/PL-HĐNN về Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 25/9/1989

Căn cứ Nghị định số 15/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ban hành ngày 16/1/1990 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

Hôm nay ngày 28 tháng 02 năm 2017, Hai bên chúng tôi gồm:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI (gọi tắt bên A)

Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại: 0255.3875359 Fax:0255.3875365

Do Ông Nguyễn Bá Dương - Chức vụ Giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 102010000211932 - Chi nhánh NH VIETIN BANK, Hải Phòng

2. Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại CPN Việt Nam (gọi tắt bên B)

Do Ông Bùi Thanh Ngoan - Chức vụ Giám đốc làm đại diện

Địa chỉ: Số 77 Lê Hồng Phong - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200816175 Điện thoại: 0255.3634029

Số tài khoản 102010000272234- Chi nhánh NH VIETINBANK, Hải Phòng

Cùng nhau thoả thuận về nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên B

1.1. Bên B cung cấp và lắp đặt cho bên A các thiết bị sau:

STT	Tên thiết bị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy photocopy Sharp AR- 6031N Chức năng • Tốc độ copy: 31 bản/phút A4 • Phóng to thu nhỏ từ : 25 – 400% • Màn hình hiển thị LCD . • Chức năng Scan Trắng đen/màu , Scan to USB	01	30.540.000	30.540.000
2	Thuế VAT 10%			3.054.000
3	Tổng			33.594.000

(Bảng chữ: Ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn)

1.2. Chất lượng thiết bị bảo đảm tốt, mới 100%, trên mỗi linh kiện đều dán tem bảo hành của nhà cung cấp.

1.3. Thời hạn giao hàng: sau 01 ngày kể từ ngày kí hợp đồng.

Điều 2: Thanh toán

2.1. Tổng giá trị hợp đồng là: 33.594.000 đồng.

(Bảng chữ: : Ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn).

2.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.3. Bên A có trách nhiệm thanh toán ngay sau khi nhận được hàng và hoá đơn tài chính.

Điều 3: Điều kiện bảo hành

3.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho các thiết bị đã cung cấp kể từ ngày kí biên bản bàn giao thiết bị.

3.2. Bên A đảm bảo sử dụng thiết bị đúng yêu cầu kĩ thuật được ghi trong phiếu bảo hành.

Điều 4: Cam kết chung

4.1. Bên B cam kết tiến hành cung cấp, lắp đặt thiết bị theo đúng hợp đồng.

4.2. Bên B cam kết tạo mọi điều kiện về thời gian và địa điểm lắp đặt theo đúng yêu cầu của bên B để bên B tiến hành công việc được thuận lợi và thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị của hợp đồng theo đúng thời gian và phương thức đã quy định tại điều 2 ở hợp đồng này.

4.3. Khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng 2 bên cùng bàn bạc giải quyết, trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và tôn trọng pháp luật. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2017

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Kí tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Kí tên)

Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001														
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AB/17P														
Ngày 01 tháng 03 năm 2017		Số: 0000971														
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại CPN Việt nam																
Địa chỉ: Số 77 Lê Hồng Phòng - Ngô Quyền - Hải Phòng.....																
Mã số thuế: 0200816175.....																
Điện thoại: 0255.3634029		Số tài khoản:														
Họ tên người mua hàng:																
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới																
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td></tr></table>			0	2	0	0	5	6	7	9	3	5	-	-	-	-
0	2	0	0	5	6	7	9	3	5	-	-	-	-			
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP																
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
1	2	3	4	5	6=5x4											
1	Máy photocopy Sharp AR- 6031N	cái	01	30.540.000	30.540.000											
Cộng tiền hàng					30.540.000											
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			3.054.000											
Tổng cộng tiền thanh toán					33.594.000											
Số tiền viết bằng chữ: : Ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn																
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)												
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																

BIỂU 2.9: Biên bản bàn giao TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập–tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ

Ngày 01 tháng 03 năm 2017

Số: 09

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-MSTS ngày 15/02/2017 của Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới về việc mua sắm mới tài sản cố định.

Ban giao nhận tài sản cố định gồm:

1. Ông: Trần Mạnh Hoàng - Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.
2. Ông: Lê Quốc Vương - Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.
3. Ông: Trần Công Nguyên - Nhân viên bán hàng của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại CPN Việt Nam.

Địa điểm giao nhận TSCĐ: VP Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	S.lượng	Giá mua	Chi phí khác	Nguyên giá
1	Máy Photocopy Sharp AR-6031N	cái	01	30.540.000	-	30.540.000
	Cộng			30.540.000	-	30.540.000

- Kèm theo: 01 Biên bản bàn giao kèm phiếu bảo hành
01 Hoá đơn GTGT
- Biên bản kết thúc vào hồi 14h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.
- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Biểu số 2.10: Thẻ TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Số 11 Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 10/TBDCQL

Ngày 01 tháng 03 năm 2017

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 09 ngày 01 tháng 03 năm 2017.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Máy photocopy.

Nhãn hiệu: Sharp

Nước sản xuất: Trung Quốc

Năm sản xuất: 2016

Bộ phận quản lý sử dụng: Văn phòng công ty

Năm sử dụng: 2017

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
HĐ 971	01/03/2017	Mua máy photocopy AR-6031N	30.540.000	2017		

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					

Ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Giấy báo nợ của ngân hàng



GIẤY BÁO NỢ
Ngày: 01/03/2017

Số: 196
Mã GDV:
THAODTQTO
Mã KH: 6879455

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới
Mã số thuế: 0200567935

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0591 1881 34219

Số tiền bằng số: 33.594.000


Số tiền bằng chữ: : *Ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại CPN Việt nam ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.12: Ủy nhiệm chi

	ỦY NHIỆM CHI	Số: 196
PAYMENT ORDER		Ngày: 01/03/2017
Số tiền: 33.594.000 VND		
Bằng chữ: : Ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn.	Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong <input type="checkbox"/> Phí ngoài	
Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại CPN Việt nam		
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ KỶ MỚI Applicant: Số CMND: Ngày cấp: -Nơi cấp: Số tài khoản: 0591 1881 34219 Tại NH: Vietinbank Hải Phòng	ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI CPN VIỆT NAM Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 02571102899095 Tại NH: EXIMBANK Ngô Quyền – HP	
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG GỬI	NGÂN HÀNG NHẬN
	<i>Giao dịch viên</i>	<i>Giao dịch viên</i>

Ví dụ 2: Ngày 27/07/2017, theo đề nghị của Phòng kinh doanh, Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44 của công ty đã cũ. Ban thanh lý cho Ông Hoàng Quốc Bân. Công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ này.

Nguyên giá: 324.680.000đ, giá trị hao mòn lũy kế: 324.680.000đ, giá trị còn lại: 0đ, giá trị thanh lý là: 37.500.000đ, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền mặt.

Quá trình thanh lý tài sản cho Ông Hoàng Quốc Bân có hợp đồng kinh tế, hóa đơn gia tăng.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”. Và kí kết “*hợp đồng mua bán TSCĐ*”. Sau khi hợp đồng được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, công ty giao TSCĐ và viết “*hóa đơn GTGT*”.

Từ các chứng từ trên kế toán ghi vào Nhật ký chung. Đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 211, sổ cái TK 214, sổ cái TK 711, 333.

Biểu số 2.13: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:		
Liên 3: Nội bộ			01GTKT3/001		
Ngày 27 tháng 07 năm 2017			Ký hiệu: HM/17P		
			Số: 0000572		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI					
Mã số thuế: 0200567935					
Địa chỉ: Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP					
Điện thoại: 0225 3856 361					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Ông Hoàng Quốc Bân					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Ô tô Grand i10 BK 15A 101.44				37.500.000
Cộng tiền hàng					37.500.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			3.750.000
Tổng cộng tiền thanh toán					41.250.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn .</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.14: Phiếu thu tiền

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾUTHU

Số: PT 461

Ngày 27 tháng 07 năm 2017

Nợ: 111
Có: 711
Có: 333

Họ và tên người nộp: Hoàng Quốc Bản.....

Địa chỉ: số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Lý do thu: Thu tiền bán thanh lý Ô tô Grand i10 BK 15A 101.44

Số tiền: 41.250.000 đồng Bằng chữ: *Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....

Ngày 27 tháng 07 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN

((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/03 /17	BN 196 HĐ971	01/03 /17	Mua máy Photocopy của Công ty CPN	211 133 112	30.540.000 3.054.000	33.594.000
			...			
27/07 /17	BBTL 10	27/07 /17	Thanh lý ô tô Grand i10 cho Ông Hoàng Ân	214 211	324.680.000	324.680.000
27/07 /17	PT461 HĐ925	27/07 /17	Hạch toán thu nhập từ bán xe	111 711 333	41.250.000	37.500.000 3.750.000
			...			
02/12 /17	PC821 HĐ492	02/12 /17	Chi phí sửa xe ô tô	642 133 111	6.480.000 648.000	7.128.000
			...			
31/12 /17	PBKH 12	31/12 /17	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2017	627 642 214	126.508.225 34.662.100	161.170.325
			...			
			Cộng phát sinh		92.612.564.416	92.612.564.416

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 211

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Đơn vị: *Đồng Việt Nam*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		14.019.146.101	
				
01/03/ 17	BN 196 HĐ971	01/03/ 17	Mua máy Photocopy của Công ty CPN	112	30.540.000	
			...			
01/3/1 7	HĐ 1502	01/03/ 17	Xe ô tô 4 chỗ Hyundai - BK 15R 241.77	331	765.123.489	
			...			
06/05/ 17	HĐ 5561	06/05/ 17	Mua xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08	331	1.655.392.060	
27/07/ 17	BBTL 10	27/07/ 17	Thanh lý ô tô Grand i10 cho Ông Hoàng Ân	214		324.680.000
			...			
			Cộng phát sinh năm		2.449.055.549	995.850.430
			Số dư cuối kỳ		15.472.351.220	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng (hay còn được gọi là khấu hao đều hoặc khấu hao tuyến tính) đối với các TSCĐ doanh nghiệp quản lý. Phương pháp này được quy định trong nội dung của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao TSCĐ.

Công ty có cách tính phân bổ khấu hao những tháng có sự biến động về tài sản như sau: đối với những tài sản mua chưa đủ tháng nhưng công ty trích khấu hao cả tháng.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ háng}}$$

❖ Chứng từ sử dụng

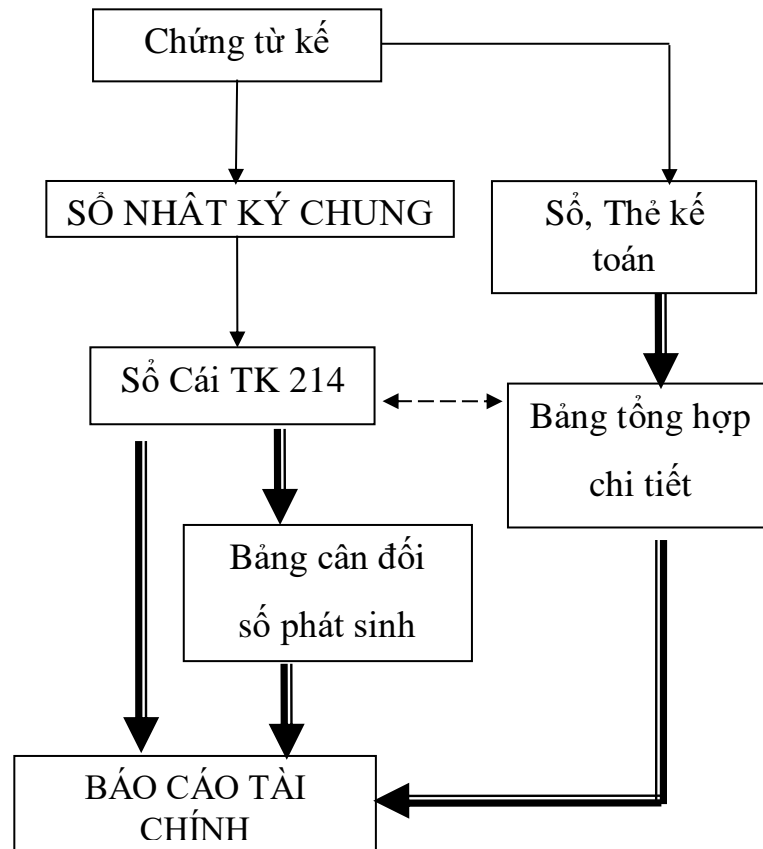
Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 214, 627, 642.

❖ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán khấu hao TSCĐ thể hiện ở sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu \longleftrightarrow

Ví Du: Ngày 01/03/2017, Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới đã mua 1 máy photocopy, giá mua ghi trên hoá đơn là 30.540.000 đồng, thời gian tính khấu hao là 4 năm. Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 01/03/2017 nhưng kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/03/2017

Nguyên giá tài sản cố định = 30.540.000 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $30.540.000 / 4 \text{ năm} = 7.635.000 \text{ đồng/năm}$.

Mức trích KH trung bình tháng = $7.635.000 / 12 \text{ tháng} = 636.250 \text{ đồng/tháng}$.

Mức trích KH tháng 3 = 636.250 đồng/tháng.

Biểu số 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2017

T T	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Năm SD	Mức KH năm	Mức KH tháng	Tài khoản ghi nợ		Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
						TK 627	TK 642		
1	Xe đầu kéo Hyundai HD1000 - BK 15R 121.54	1.339.299.380	10	133.929.938	11.160.828	11.160.828		446.433.127	892.866.253
2	Xe đầu kéo Hyundai HD1000-BK15R 121.59	1.437.295.380	10	143.729.538	11.977.462	11.977.462		669.649.690	669.649.690
3	Xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08	1.655.392.060	10	165.539.206	13.794.934	13.794.934		110.359.471	1.545.032.589
4	<i>Máy photocopy</i> Sharp AR- 6031N	30.540.000	4	7.635.000	636.250		636.250	6.362.500	24.177.500
5	Xe ô tô 4 chỗ Hyundai - BK 15A 241.77	765.123.489	8	95.640.436	7.970.036		7.970.036	55.790.254	709.333.235
	...								
	Cộng	15.472.351.220		1.934.043.903	161.170.325	126.508.225	34.662.100	5.654.223.530	9.818.127.690

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN

((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/03/17	BN 196 HĐ971	01/03/17	Mua máy Photocopy của Công ty CPN	211 133 112	30.540.000 3.054.000	33.594.000
			...			
27/07/17	BBTL 10	27/07/17	Thanh lý ô tô Grand i10 cho Ông Hoàng Bản	214 211	324.680.000	324.680.000
27/07/17	PT461 HĐ925	27/07/17	Hạch toán thu nhập từ bán xe	111 711 333	41.250.000	37.500.000 3.750.000
			...			
02/12/17	PC821 HĐ 492	02/12/17	Chi phí sửa xe ô tô	642 133 111	6.480.000 648.000	7.128.000
			...			
31/12/17	PBKH 12	31/12/17	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2017	627 642 214	126.508.225 34.662.100	161.170.325
			...			
			Cộng phát sinh		92.612.564.416	92.612.564.416

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Trích sổ Cái TK 214

Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Đơn vị: *Đồng Việt Nam*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			4.631.944.699
				
31/1/17	BKH T1	31/1/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 1	627 642		116.501.725 47.162.150
				
27/07/17	BBTL 10	27/07/17	Thanh lý ô tô Grand i10 cho Ông Hoàng Bân	214	324.680.000	
31/8/17	BKH T8	31/8/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 8	627 642		126.508.225 34.662.100
30/9/17	BKH T9	30/9/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 9	627 642		126.508.225 34.662.100
			...			
30/11/17	BKH T11	30/11/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	627 642		126.508.225 34.662.100
31/12/17	BKH T12	31/12/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	627 642		126.508.225 34.662.100
			...			
			Cộng phát sinh năm		881.446.720	1.903.725.551
			Số dư cuối kỳ			5.654.223.530

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ thường phát sinh tương đối đều đặn, giá trị thấp nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ hạch toán. Công ty có thể tự sửa đối với những trường hợp hỏng hóc đơn giản. Trong trường hợp không tự sửa được công ty sẽ đi thuê ngoài.

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.
- Phiếu chi, HĐGTGT (liên 2).

❖ *Tài khoản sử dụng*

TK 133, 627, 642, 331, ...

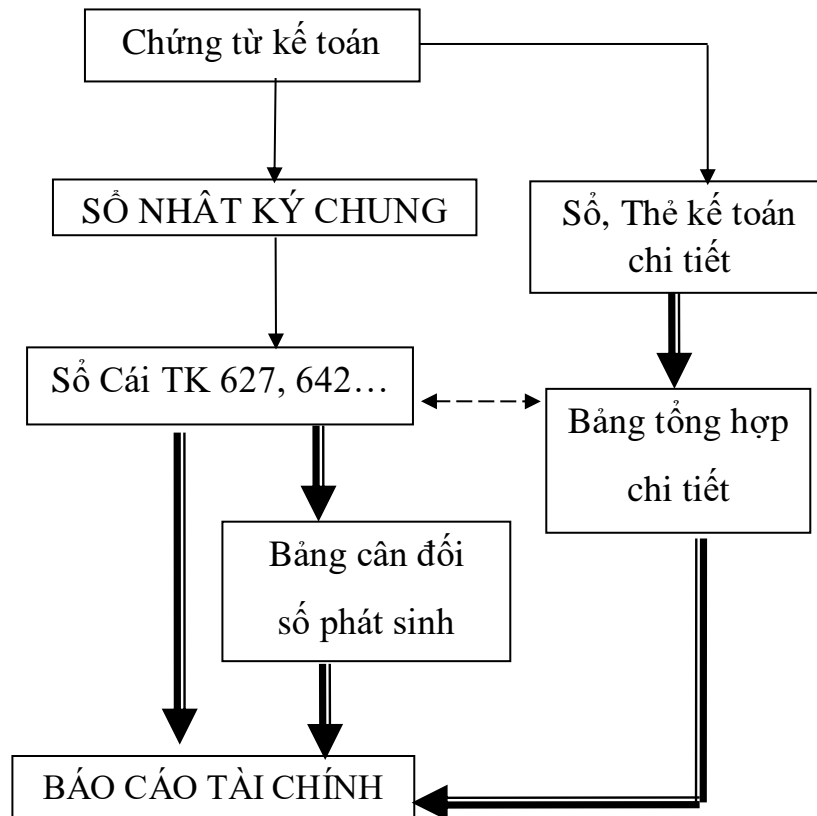
❖ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Khi phát sinh chi phí sửa chữa TSCĐ, bộ phận quản lý TSCĐ tiến hành lập danh mục vật tư dưới sự kiểm tra giám sát của lãnh đạo doanh nghiệp. Sau khi danh mục vật tư được lập, các đơn vị trình Giám đốc ký duyệt với đầy đủ chữ ký của các bên và bộ phận theo dõi kiểm tra.

Căn cứ vào HĐ GTGT mua dịch vụ, Phiếu xuất kho, Phiếu chi, Bảng tính lương,.. phát sinh trong quá trình sửa chữa thường xuyên, kế toán tập hợp trực tiếp vào chi phí liên quan của từng bộ phận. Phát sinh sửa chữa thường xuyên đến đâu thì tập hợp chi phí tới đó.

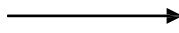
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ về chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chi phí chuyển vào Sổ Nhật ký chung và sổ cái các TK có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

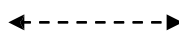
Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Ví dụ 4: Ngày 02/12/2017, công ty chi bảo dưỡng xe ô tô 4 chỗ (xe được dùng để phục vụ cho văn phòng), số tiền chưa thuế GTGT 6.480.000, thuế GTGT10%, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Khi TSCĐ bị hỏng hoặc xuống cấp lái xe Trần Mạnh Linh viết “Đơn đề nghị bảo dưỡng sửa chữa” trình lên giám đốc. Khi đơn đề nghị được chấp thuận thì tiến hành mang TSCĐ đi bảo dưỡng. Sau khi quá trình sửa chữa hoàn tất thì “Hóa đơn GTGT”. Đồng thời kế toán nhận được “Bảng tổng hợp chi phí sửa chữa, thường xuyên” được gửi về doanh nghiệp. Kế toán căn cứ vào hóa đơn để viết “Phiếu chi” để trả tiền cho bên sửa chữa.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “Nhật ký chung”. Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào “Sổ cái TK 642”, sổ cái TK 133, 111.

Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên

Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP		CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-tự do – hạnh phúc -----o0o-----			
<p>BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG</p> <p><i>Ngày 02 tháng 12 năm 2017</i></p>					
TT	Tên thiết bị	Tên vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô 4 chỗ	Thay lọc xăng	01	270.000	270.000
2		Thay thắng xe	01	410.000	410.000
3		Thay lốp xe	01	5.050.000	5.050.000
4		Bảo dưỡng cấp (III)	01	750.000	750.000
	Tổng (chưa VAT)				6.480.000
<i>Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2017</i>					
Phụ trách bộ phận (Ký tên)				Người lập (Ký tên)	

Biểu số 2.21: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:															
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001															
Ngày 02 tháng 12 năm 2017			Ký hiệu: TM/17P															
			Số: 000492															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nam Vang																		
Mã số thuế: 0200706351																		
Địa chỉ: Số 312 Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng																		
Điện thoại: 0225 13899562																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	5	6	7	9	3	5			
0	2	0	0	5	6	7	9	3	5									
Địa chỉ: Số 11 Đa Năng, Ngô Quyền, HP																		
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Thay lọc xăng	Chiếc	01	270.000	270.000													
2	Thay thắng xe	Chiếc	01	410.000	410.000													
3	Thay lốp xe	Bộ	01	5.050.000	5.050.000													
4	Bảo dưỡng cấp (III)		01	750.000	750.000													
Cộng tiền hàng					6.480.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		648.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					7.128.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy triệu một trăm hai tám nghìn đồng</i>																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>																		

Biểu số 2.22: Phiếu chi tiền

Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Số: 821

Hải phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2017

Nợ 642
Nợ 133
Có:111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Đức Toàn

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa xe cho Công ty TNHH Nam Vang

Số tiền: 7.128.000 (Viết bằng chữ: Bảy triệu một trăm hai tám nghìn đồng).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Bảy triệu một trăm hai tám nghìn đồng .

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DN

((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/03 /17	BN196 HD971	01/03/ 17	Mua máy Photocopy của Công ty CPN	211 133 112	30.540.000 3.054.000	33.594.000
			...			
27/07 /17	BBTL 10	27/07/ 17	Thanh lý ô tô Grand i10 cho Ông Hoàng Bân	214 211	324.680.000	324.680.000
27/07 /17	PT461 HD925	27/07/ 17	Hạch toán thu nhập từ bán xe	111 711 333	41.250.000	37.500.000 3.750.000
			...			
02/12 /17	PC821 HD492	02/12/ 17	Chi phí sửa xe ô tô	642 133 111	6.480.000 648.000	7.128.000
			...			
31/12 /17	PBKH 12	31/12/ 17	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2017	627 642 214	126.508.225 34.662.100	161.170.325
			...			
			Cộng phát sinh		92.612.564.416	92.612.564.416

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Trích sổ Cái TK 642

Công ty cổ phần Thế Kỳ Mới
Số 11 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị: *Đồng Việt Nam*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>853.460.510</u>	
				
31/1/17	BKH T1	31/1/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 1	214	36.501.725	
				
31/8/17	BKH T8	31/8/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 8	214	34.662.100	
30/9/17	BKH T9	30/9/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 9	214	34.662.100	
			...			
30/11/17	BKH T11	30/11/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	214	34.662.100	
			...			
02/12/17	PC821 HD492	02/12/17	Chi phí sửa xe ô tô	111	6.480.000	
			...			
			Cộng phát sinh năm		1.492.661.328	1.492.661.328
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ MỚI

Hiện nay đất nước ta đang phát triển theo định hướng nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, vai trò kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế nhà nước và của mọi doanh nghiệp. Kế toán được sử dụng như một công cụ sắc bén và có hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị.

Trong nhiều năm nay, Chính sách tài sản cố định của nước ta không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện. Chế độ tài sản cố định mới ra đời nhằm hoàn thiện việc trả quản lý tài sản cố định để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế. Vì thế kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng cũng phải được nghiên cứu và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và quản lý kinh tế.

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

Qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung, cách tính và cách hạch toán tài sản cố định ở Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới. Nhìn chung công ty đã thực hiện tốt theo chính sách của Nhà nước nhưng bên cạnh đó còn một số hạn chế cần khắc phục để công tác hạch toán tài sản cố định của công ty ngày càng tốt hơn.

3.1.1 Ưu điểm

* Về công tác kế toán nói chung

- **Tổ chức bộ máy quản lý:** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của Công ty. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

- **Bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức.

- **Về hình thức kế toán:** Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- **Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính**

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định theo quyết định số TT 200/2014/QĐ-BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số TT 200/2014/QĐ-BTC.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

*** Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng**

- **Kế toán tổng hợp TSCĐ:** Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Công tác quản lý TSCĐ*: Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời. Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ*: Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Trong việc hạch toán chi tiết TSCĐ Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- *Về công tác ghi chép sổ sách kế toán*: Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- *Về cách tính khấu hao tài sản cố định*: khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Khi Tài sản cố định được mua về sử dụng chưa tròn tháng, xấp xỉ tháng hoặc thanh lý không vào ngày đầu tháng thì doanh nghiệp vẫn tính khấu hao cả tháng đó.

Ví dụ: ngày 06/05/2017 công ty mua Xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08 dùng cho vận chuyển hàng, thời gian khấu hao 10 năm, giá mua chưa thuế GTGT là 1.655.392.060 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Kế toán tính khấu hao xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08 này từ ngày 01/05/2017 vào khấu hao tháng 5:

$$\begin{array}{rcl} \text{Khấu hao tháng của} & & 1.655.392.060 \\ \text{Xe đầu kéo Hino 700} & & \hline \text{series (6x4) 2 cầu -} & = & & = & 13.794.934 \text{ đồng} \\ & & 10 \times 12 & & \\ \text{BK 15R 661.08} & & & & \end{array}$$

- *Về bộ máy kế toán:* đội ngũ kế toán toàn những người trẻ nên kinh nghiệm của họ còn hạn chế. Tính chất cần cù, tỉ mỉ trong công việc còn thấp dẫn đến công việc còn trì trệ. Khả năng cập nhật các hệ thống chính sách mới còn chậm.

Thứ nhất, do trình độ kế toán trong công ty chưa đồng đều dẫn đến việc chứng từ được luân chuyển từ các bộ phận tới phòng kế toán còn chậm.

Thứ hai, do quan niệm về công tác kế toán của cán bộ công nhân viên chức nói chung và cán bộ kế toán nhiều khi còn coi nhẹ, không tập trung vào công việc dẫn tới việc xử lý chứng từ không được giải quyết kịp thời.

- *Về công tác luân chuyển chứng từ và bộ máy kế toán:* nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, dẫn đến công việc bị dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm.

3.2. Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.

3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tại công ty

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công

cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng những cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn

3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, em xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán tài sản cố định ở Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới.

❖ Giải pháp thứ nhất: Hoàn thiện việc ghi chép sổ sách kế toán:

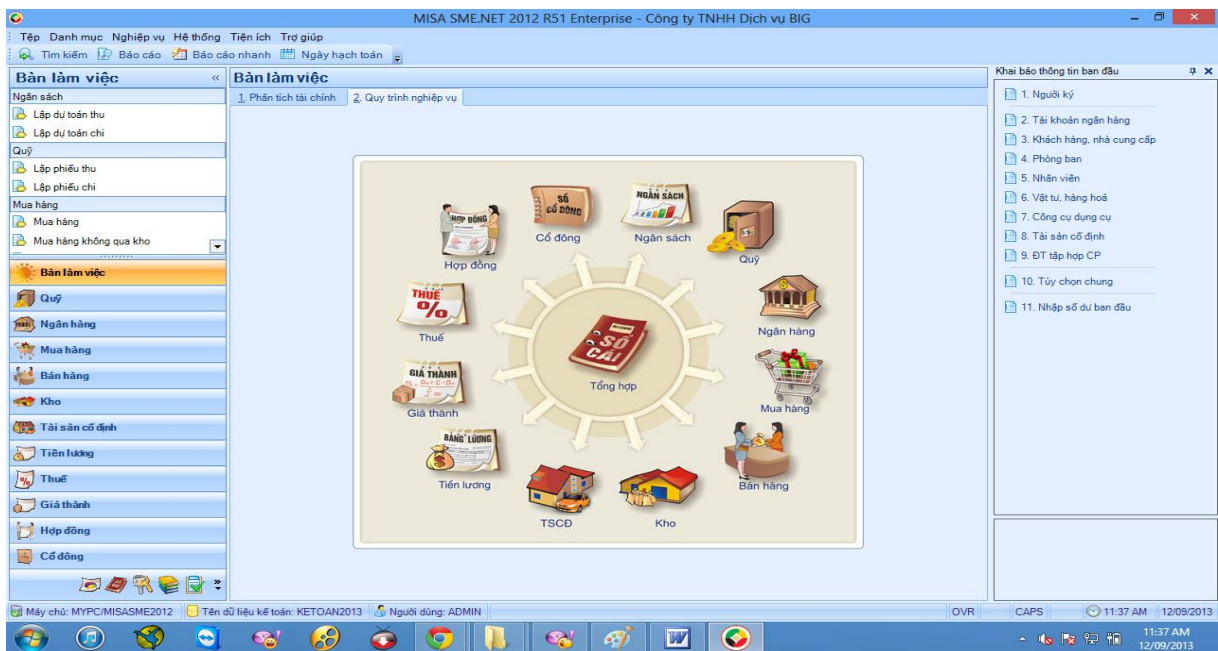
Với sự hiện đại của khoa học kỹ thuật như hiện nay, Thay vì sử dụng các ứng dụng của MICROSOFT OFFICE thì doanh nghiệp nên xem xét và lập kế

hoạch mua phần mềm kế toán có sẵn hoặc thuê lập trình phần mềm riêng phù hợp với doanh nghiệp (tuy phương án này có chi phí rất cao).

Dưới đây là một số hiểu biết chung của em về một số phần mềm kế toán đang được sử dụng rộng rãi trên thị trường để giúp công ty có được phương án lựa chọn phù hợp.

1. Phần mềm kế toán MISA

Giao diện màn hình chính.



Giá thành sản phẩm:

Gói sản phẩm/ Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
Phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET 201 Desktop			
Leasing	2.000.000	GPSD/năm	- Không hạn chế tính năng - Đăng ký tối thiểu 04 GPSD trong 4 năm hoặc 02 GPSD trong 2 năm
Standard	6.450.000	Gói	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012- 07 phân hệ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, thuế, tổng hợp
Professional	7.450.000	Gói	Phần mềm kế toán MISA SME.NET

			2012- 09 phân hệ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, thuế, tổng hợp, tài sản cố định, tiền lương
Enterprise	9.950.000	Gói	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012- 13 phân hệ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, thuế, tổng hợp, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, công đồng, ngân sách
Dịch vụ			
Đào tạo tập trung	950.000	Người/khóa	Đào tạo tập trung 2 ngày tại Hà Nội, HCM, Đà Nẵng hoặc Buôn Ma Thuột, Cần Thơ
Đào tạo trực tiếp tại đơn vị	4.000.000	Khóa	-Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm trực tiếp tại đơn vị trong 2 ngày cho tối đa 10 người cán bộ đối với khách hàng tại Hà Nội, HCM, Đà Nẵng hoặc Buôn Ma Thuột, Cần Thơ. Khách hàng ở ngoài địa điểm trên thì phải trả thêm các chi phí đi lại, ăn nghỉ cho cán bộ MISA. -Khách hàng chịu trách nhiệm bố trí máy móc, thiết bị phục vụ cho việc đào tạo.
Thay đổi GPSD	650.000	GPSD/lần	Áp dụng cho tất cả các gói sản phẩm

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay các phần mềm chạy trên CSDL, SQL, .NET, ... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi sửa lại báo cáo.

2. Phần mềm kế toán *Fast Accounting*



Giá thành sản phẩm:

- Giá sản phẩm và dịch vụ: 3.500.000đ/ 1 bản.

Giá trên bao gồm:

Bộ cài đặt phần mềm (tải từ trên website của FAST hoặc FAST sẽ gửi đĩa CD)

Cấp tên bản quyền cho đơn vị/cá nhân sử dụng.

Cài đặt, đào tạo và tư vấn ban đầu tại VP của khách hàng: không quá 3 buổi (không quá 3 giờ/ buổi) đối với các khách hàng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng.

Bảo hành, tư vấn và hỗ trợ sử dụng từ xa qua chat, diễn đàn, điện thoại, teamviewer hoặc tại văn phòng của FAST trong vòng 1 năm.

- Giá dịch vụ bảo hành, tư vấn và hỗ trợ hàng năm: 1.500.000đ/1 năm.

Bảo hành, tư vấn và hỗ trợ sử dụng từ xa qua chat, diễn đàn, điện thoại, teamviewer hoặc tại văn phòng của FAST.

Không quá 3 buổi (3 giờ/ 1 buổi) thực hiện dịch vụ tại khách hàng trong trường hợp không thể thực hiện được từ xa.

Chi phí trên được tính cho khách hàng có văn phòng tại Hà Nội cũ, TP HCM, Đà Nẵng. Bên ngoài địa điểm này sẽ tính thêm chi phí đi lại và lưu trú (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể.

- Giá dịch vụ, cài đặt, tư vấn và hỗ trợ theo vụ việc tại VP của khách hàng: 500.000đ/1 buổi.

Một buổi kéo dài không quá 3 giờ.

Chi phí trên được tính cho khách hàng có văn phòng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng. Bên ngoài các địa điểm này thì sẽ tính thêm chi phí đi lại và lưu trú (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể.

- Giá dịch vụ chỉnh sửa mẫu in chứng từ, hóa đơn: 500.000đ/1 mẫu chỉnh sửa các mẫu hiện có trong phần mềm cài đặt, nhưng không thêm các trường hợp thông tin chưa có trong phần mềm từ bản cài đặt.

- Việc trao đổi trong quá trình chỉnh sửa và bàn giao kết quả được thực hiện từ xa qua chat, email, điện thoại, fax, teamviewer.

Đối với phân hệ “Kế toán TSCĐ” thì có các tính năng như điều chỉnh giá trị tài sản, điều chỉnh khấu hao hàng kỳ, khai báo thôi khấu hao, điều chuyển

bộ phận sử dụng tài sản... Phần mềm giúp cho việc quản lý TSCĐ được dễ dàng và chính xác. Đặc biệt hơn, phần mềm kế toán FAST giúp cho người sử dụng quản lý thông tin TSCĐ rõ ràng hơn:

+ Theo dõi các thông tin như nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, nguồn vốn hình thành, số năm khấu hao / giá trị khấu hao hàng năm, bộ phận sử dụng, mục đích sử dụng, nước sản xuất,...

+ Có 3 trường hợp để phân loại TSCĐ theo các tiêu chí khác nhau giúp người dùng có thể biết rõ TSCĐ tăng, giảm, hay tính và trích khấu hao TSCĐ chi tiết bộ phận, theo nguồn vốn hay theo bộ phận- chi tiết theo nguồn vốn.

+ Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản TSCĐ, tài khoản khấu hao, tài khoản chi phí – để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST cũng có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý nhanh.

- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi.

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

3. Các phần mềm: Bravo; Comac; Vietaccount2007; Sunlight.

Ưu điểm:

Các phần mềm này giống hệt nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành

- Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với MISA

Nhược điểm:

- Mẫu biểu, chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán.
- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như fast).

Như vậy thông qua một số thông tin trên theo em doanh nghiệp nên lựa chọn phần mềm hỗ trợ hạch toán kế toán MISA là phương án hợp lý nhất.

❖ **Giải pháp thứ hai: Hoàn thiện về cách tính khấu hao tài sản cố định:**

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao như sau:

TSCĐ sử dụng bắt đầu từ ngày nào thì tính khấu hao tài sản cố định từ ngày đó. Cách tính khấu hao như sau:

$$\text{Mức trích KH năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng phát sinh của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ}}{\text{Tổng số ngày của tháng phát sinh}} \times \text{Số ngày sử dụng trong tháng}$$

$$\text{Số ngày sử dụng trong tháng} = \text{Tổng số ngày của tháng phát sinh} - \text{Ngày bắt đầu sử dụng} + 1$$

Kế toán sửa lại như sau:

ví dụ cụ thể như ở nghiệp vụ phát sinh: ngày 06/05/2017 công ty mua Xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08 dùng cho vận chuyển hàng, giá mua chưa thuế GTGT là 1.655.392.060 đồng, thuế GTGT 10%. Chưa thanh toán.

Xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08 được mua và đưa vào sử dụng từ ngày 06/05/2017 nhưng kế toán tính khấu hao của Xe đầu kéo Hino 700 series (6x4) 2 cầu - BK 15R 661.08 này từ ngày 01/05/2017 vào khấu hao tháng 05:

$$\text{Khấu hao năm} = 1.655.392.060 / 10 = 165.539.206 \text{đồng/ năm}$$

$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao tháng của} \\ \text{Xe đầu kéo Hino} \\ \text{700 series - BK 15R} \\ \text{661.08} \end{array} = \frac{165.539.206}{12} = 13.794.934 \text{đồng/tháng}$$

$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao của máy} \\ \text{photocopy tháng 5} \end{array} = \frac{13.794.934}{31} \times 26 = 11.569.945 \text{đồng}$$

❖ ***Giải pháp thứ ba: Hoàn thiện về bộ máy kế toán:***

Để công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn, chuyên nghiệp và phù hợp với quy định của nhà nước, công ty nên thường xuyên có thêm các hoạt động như: cho phép cán bộ công nhân viên đi tập huấn, học bổ sung, nâng cao nghiệp vụ và kinh nghiệm, tổ chức tham gia tích cực các hoạt động của đoàn thanh niên phường, quan tâm đến đời sống cán bộ, nhân viên, ...

❖ ***Giải pháp thứ tư: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán:***

Việc luân chuyển chứng từ từ các phòng ban tới phòng kế toán còn chậm gây dồn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán vất vả trong công việc. Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng.

Chẳng hạn như doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Với công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại có thể sử dụng các ứng dụng của mạng internet như email...

Công ty có chế độ, quy định thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định để quản lý giờ làm việc, bàn giao công việc hợp lý và trách nhiệm của từng người để tăng hiệu suất làm việc.

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Kế toán TSCĐ và phân tích tình hình sử dụng TSCĐ không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng TSCĐ mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình định hướng đầu tư.

Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán TSCĐ tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy, cô giáo và các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới; cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là thầy giáo **Ths. Nguyễn Văn Thụ** đã giúp em để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC*
4. Công ty Cổ phần Thế Kỷ Mới (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên internet.